

Số: *2632*/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *07* tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước
tỉnh Hà Giang năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/01/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg, ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND, ngày 20/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang giai đoạn II (2016-2020);

Căn cứ Quyết định số 3183/QĐ-UBND, ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 661 /TTr-SNV, ngày 06 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2018.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo nội dung Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ban Tổ chức, Ban dân vận Tỉnh ủy;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Văn Sơn

KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ GIANG NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

I. MỤC TIÊU

1. Xây dựng cơ chế chính sách thông thoáng; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.
2. Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở thông suốt, trong sạch, tinh gọn, vững mạnh, từng bước hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.
3. Tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới về phong cách, lề lối làm việc của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; của cán bộ, công chức, trong thi hành công vụ.
4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; đảm bảo các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, cá nhân được công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện.
5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của tỉnh. Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức.
6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần đầu 80% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy); 75% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy); 38% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hoàn toàn dưới dạng điện tử và có ứng dụng chữ ký số (không gửi văn bản giấy); 100% các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2 được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử; 80% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3; triển khai và đưa vào sử dụng 30 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính.
7. Tiếp tục phần đầu nâng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; duy trì và nâng cao chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin.

8. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác đánh giá cán bộ và công tác thi đua, khen thưởng.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

b) Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 04 - NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang giai đoạn II (2016-2020); Kế hoạch nâng cao chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

c) Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành các kế hoạch thực hiện cải cách hành chính kịp thời, đúng quy định. Tăng cường các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ số cải cách hành chính; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính, thu hút sự tham gia tích cực của tổ chức, xã hội, các tầng lớp nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng. Đặc biệt trong việc tuyên truyền và thực hiện cơ chế giám sát, kiểm tra tạo sự chuyển biến thực sự trong công tác cải cách hành chính nhà nước, bảo đảm tập trung, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

đ) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án của Bộ Nội vụ về tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cải cách hành chính, nhất là công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

e) Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước.

f) Gắn công tác cải cách hành chính với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền; công khai minh bạch các thông tin quy hoạch, các quyết định và hoạt động của bộ máy Nhà nước các cấp; thực hiện nghiêm túc có nề nếp công tác đối thoại giữa các cơ quan Đảng, chính quyền với doanh

nghiệp và nhân dân theo quy định. Quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

g) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính nhà nước; duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo hệ thống TCVN ISO 9001: 2015 tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ sở.

h) Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Sử dụng hiệu quả chỉ số cải cách hành chính trong theo dõi, đánh giá. Tổ chức thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp, nhất là lĩnh vực y tế và giáo dục.

2. Cải cách thể chế

a) Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng công tác quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh (*ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-UBND, ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

b) Tăng cường phân tích, dự báo tác động của chính sách, pháp luật đối với đời sống xã hội; tính liên kết giữa các khâu trong quá trình xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; kết hợp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật với công tác theo dõi thi hành pháp luật.

c) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật hiện đang còn hiệu lực thuộc phạm vi quản lý, phát hiện những văn bản chồng chéo, bất hợp lý, hết hiệu lực để kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Triển khai thực hiện Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 1338/CT-UBND, ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát, rà soát sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định liên quan không còn phù hợp theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ. Tiếp tục cắt giảm, rút ngắn thời gian, giảm thành phần hồ sơ; thực hiện tốt liên thông trong giải quyết TTHC; phấn đấu cắt giảm 30% thời gian giải

quyết ở các thủ tục đầu tư, thành lập doanh nghiệp; đất đai, môi trường; tài chính; cấp phép xây dựng, quy hoạch; y tế, tư pháp - hộ tịch...

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

d) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 52/KH-UBND, ngày 28/02/2017 của ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Chương trình hành động số 185/CTHD-UBND, ngày 03/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh

đ) Thực hiện chuẩn hóa, cập nhật, đăng tải hoặc liên kết 100% thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Công khai minh bạch Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị tại trụ sở cơ quan, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

e) Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, đất đai, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, tư pháp ..., đặc biệt là quy trình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện hiệu quả Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh Hà Giang (*ban hành kèm theo Quyết định số 520/QĐ-UBND, ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

f) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, nhằm nâng cao chất lượng các quy định hành chính, nâng cao vai trò cá nhân, tổ chức trong giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân có liên quan và cơ chế phối hợp trong nội bộ cơ quan hành chính.

c) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Chính phủ gắn với sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức sáp nhập. Thực hiện giao biên chế, chỉ tiêu số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo lộ trình đến năm 2021 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện có hiệu quả những quy định về phân cấp giữa Trung ương và địa phương, triển khai thực hiện quy định về phân cấp của tỉnh trên các lĩnh vực cụ thể; đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc theo thẩm quyền nhằm rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương (bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước), trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

e) Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; chất lượng dịch vụ công từng bước được nâng cao, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế. Rà soát, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đẩy mạnh xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ công.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức. Xây dựng và triển khai thực hiện các Đề án: Thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý các cấp; Thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương; Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức sự nghiệp; Thi thăng hạng viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức thi tuyển công chức cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Thực hiện có hiệu quả Chương trình 15-CTr/TU, ngày 19/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 155/KH-UBND, ngày 05/7/2016 của Ủy

ban nhân dân tỉnh về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang từ năm 2016 đến năm 2021; Kế hoạch số 180/KH-UBND, ngày 22/6/2017 về tình hình biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015-2021.

c) Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là công tác đánh giá, nhận xét đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo trung thực, khách quan, phản ánh đúng kết quả thực thi công vụ, nhiệm vụ, bổ nhiệm qua thi tuyển, luân chuyển cán bộ. Thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Tiếp tục ứng dụng đồng bộ phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức tỉnh Hà Giang bằng phần mềm tin học.

d) Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, nâng cao ý thức, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh chuyên nghiệp, năng lực trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức tạo bước chuyển biến tích cực trong lề lối làm việc của từng cán bộ, công chức, viên chức với tinh thần phục vụ nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ; từng bước thực hiện bổ nhiệm cán bộ thông qua thi tuyển ở cấp phòng và cấp Sở; tiếp tục thực hiện tốt việc nêu gương, đánh giá mức độ quyết liệt; tăng cường kiểm tra công vụ. Thực hiện tốt Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện tốt Chương trình số 79-CTr/UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

đ) Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, trong đó tập trung đào tạo bồi dưỡng theo quy hoạch; xây dựng Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh học tập nâng cao trình độ; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch cán bộ, công chức; theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng bắt buộc kiến thức, kỹ năng tối thiểu trước khi bổ nhiệm và bồi dưỡng hàng năm.

e) Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

6. Cải cách tài chính công

a) Tổ chức thực hiện tốt các chính sách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp tài chính và ngân sách đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, kết quả và chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đổi mới công tác quản lý tài chính các đơn vị dự toán khối tỉnh giai đoạn 2018-2020.

c) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính các cơ quan hành chính nhà theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện tốt Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

d) Thực hiện quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ.

đ) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao; nghiên cứu xã hội hóa một số lĩnh vực mà tư nhân có thể làm.

e) Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; từng bước thực hiện chính sách điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp; chú trọng đổi mới cơ chế tài chính của các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế công lập theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch. Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế; chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh.

f) Triển khai thực hiện Phương án thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công...

g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính công.

7. Hiện đại hóa hành chính

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường hợp tác trực tuyến; nâng cấp, bổ sung hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu của tỉnh; bổ sung, nâng cấp và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của các sở, ngành, địa phương lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; chú trọng và nâng cao chất lượng nội dung tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.

b) Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động dịch vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công; hoàn thiện việc xây dựng các ứng dụng dùng chung.

c) Đẩy mạnh triển khai thực hiện một cửa liên thông; nâng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Triển khai dịch vụ tin nhắn thông báo tiến độ giải quyết hồ sơ tự động cho cá nhân, tổ chức.

d) Thực hiện hiệu quả phần mềm quản trị văn phòng; ứng dụng chữ ký số vào việc giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc.

đ) Thường xuyên cập nhật, công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; tăng cường cung cấp và cập nhật đầy đủ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4.

e) Tiếp tục thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Duy trì thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại 26 cơ quan đơn vị đã triển khai áp dụng; triển khai chuyển đổi từ phiên bản TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 đối với 39 cơ quan, đơn vị còn lại và mở rộng áp dụng mới tại 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho 50% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

f) Tiếp tục rà soát đầu tư nâng cấp trụ sở cơ quan hành chính nhà nước các cấp đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp đồng bộ, hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH (Có phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố áp dụng theo Thông tư số 172/2012/TT-BTC, ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND, ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi bảo đảm công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực cải cách hành chính tỉnh giao Sở Nội vụ lập dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, các cơ quan trung ương đóng tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị phù hợp với Kế hoạch chung của tỉnh. Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của ngành, địa phương; phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của ngành, địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định (**Báo cáo định kỳ quý I, quý III gửi trước ngày 05 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 02 tháng 6 hằng năm; báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 11 hằng năm**).

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	2	3	4	5	6
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018	Quý I/2018
2	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018	Quý I/2018
3	Công bố chỉ số CCHC năm 2017 các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và UBND huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định công bố chỉ số CCHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Quý I/2018
4	Triển khai tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định chỉ số CCHC tỉnh Hà Giang năm 2017	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo của UBND tỉnh về tự đánh giá chỉ số CCHC của tỉnh năm 2017	Quý I/2018
5	Triển khai tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương tại tỉnh; UBND các huyện, thành phố năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương tại tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo của UBND tỉnh về chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương tại tỉnh; UBND các huyện, thành phố năm 2018	Quý IV/2018
6	Công bố chỉ số CCHC năm 2018 các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương và UBND huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định công bố chỉ số CCHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Tháng 01 năm 2019

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
7	Xây dựng các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính theo chỉ đạo của cấp trên và yêu cầu thực tế	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính	Thường xuyên
8	Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Các Thông báo Kết luận kiểm tra	Quý II/2018
9	Tổ chức Hội thi tìm hiểu về CCHC tỉnh Hà Giang lần thứ 2	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Các văn bản tổ chức Hội thi	Quý II/2018
10	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về CCHC năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ CCHC	Quý II,III/2018
11	Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2019	Quý IV/2018
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2018	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2018
2	Xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2018
3	Xây dựng Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh	Quý I/2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2018	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2018	Quý I/2018
5	Các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh các văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực theo thẩm quyền	Sở Tư Pháp	Các sở, ban, ngành	Các nghị quyết, quyết định	Thường xuyên
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018	Quý I/2018
2	Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018	Quý I/2018
3	Chuẩn hóa, cập nhật, đăng tải hoặc liên kết 100% thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
4	Đảm bảo cắt giảm 30% thời gian giải quyết ở các thủ tục đầu tư, thành lập doanh nghiệp; đất đai, môi trường; tài chính; cấp phép xây dựng, quy hoạch; y tế, tư pháp - hộ tịch	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý II/2018
5	Rà soát, xây dựng quy trình rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện	Trong năm

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
6	Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh; bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo tình hình và kết quả triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Thường xuyên
7	Tổng hợp phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định thực hiện TTHC của các sở, ban ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức và của cơ quan hành chính nhà nước	Thường xuyên
8	Công khai minh bạch Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị tại trụ sở cơ quan, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên trang thông tin điện tử của đơn vị, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các bảng biểu công khai Bộ TTHC tại trụ sở cơ quan, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên trang thông tin điện tử của đơn vị, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Thường xuyên
9	Thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Quý II/2018
10	Thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công năm 2018	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Văn bản hướng dẫn thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công	Quý III/2018
11	Thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Văn bản hướng dẫn thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công	Quý III/2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC				
1	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết	Quý II/2018
2	Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, phân định cụ thể chức năng, phạm vi quản lý của các ngành, hợp lý hóa cơ cấu bên trong của các sở, ban, ngành theo yêu cầu cải cách hành chính	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên
3	Ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố theo quy định của pháp luật	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Quyết định của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của đơn vị	Thường xuyên

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Rà soát, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đẩy mạnh xã hội hóa một số lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo kết quả thực hiện	Từ năm 2018-2020
5	Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện tốt Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh về việc nâng cao tinh thần, trách nhiệm, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 08/11/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị về nâng cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới phong cách, lề lối làm việc của lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức	Thường xuyên
6	Thực hiện có hiệu quả những quy định về phân cấp giữa Trung ương và địa phương, triển khai thực hiện quy định về phân cấp của tỉnh trên các lĩnh vực cụ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức, gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện phân cấp và Quyết định của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý đối với cơ quan có thẩm quyền	Thực hiện trong năm
7	Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	Thường xuyên

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
8	Tham mưu xây dựng Nghị quyết về việc phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Hà Giang năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III/2018
9	Tham mưu xây dựng Nghị quyết về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III/2018
V	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC				
1	Quyết định phân cấp quản lý bộ máy và CBCCVC (<i>thay thế Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh</i>)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định phân cấp	Quý I năm 2018
2	Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch của UBND tỉnh về tinh giản biên chế năm 2019	Quý II/2018
3	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của các cấp có thẩm quyền	Định kỳ

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Xây dựng hướng dẫn về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hướng dẫn của UBND tỉnh	Quý III/2018
5	Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, triển khai thực hiện hiệu quả đề án vị trí việc làm; đổi mới công tác đánh giá cán bộ công chức, viên chức trên cơ sở hiệu quả công việc; thực hiện việc luân chuyển cán bộ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Thực hiện trong năm
6	Nâng cao chất lượng thi tuyển công chức; thi nâng ngạch công chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý...	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch; Quyết định của UBND tỉnh về thi tuyển công chức, thi nâng ngạch công chức, viên chức, thi tuyển lãnh đạo quản lý	Thực hiện trong năm
7	Nâng cao chất lượng tuyển dụng viên chức; bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo của công chức, viên chức	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Quyết định tuyển dụng của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện trong năm
8	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ CBCCVC triển địa bàn tỉnh học tập nâng cao trình độ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III năm 2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
9	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình số 15-CTr/TU, ngày 19/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 155/KH-UBND, ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC tỉnh Hà Giang từ năm 2016 đến năm 2021; Kế hoạch số 180/KH-UBND, ngày 22/6/2017 về tinh giản biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015-2021	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của cấp thẩm quyền	Thực hiện trong năm
10	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác công vụ, công chức; biên chế, bộ máy nhà nước và công tác tuyển dụng viên chức đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và Quyết định thành lập đoàn kiểm tra	Quý I/2018
11	Triển khai ứng dụng đồng bộ sử dụng phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức tỉnh Hà Giang	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Định kỳ
12	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018	Quý I/2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
13	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhiệm vụ công vụ đối với CCVC, chấn chỉnh kỷ cương, giờ làm việc, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09 –CT/TU, ngày 08/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện tốt Chương trình số 79-CTr/UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)....	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo đánh giá kết quả kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhiệm vụ công vụ đối với CCVC, chấn chỉnh kỷ cương, giờ làm việc, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu	Thực hiện trong năm
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đổi mới công tác quản lý tài chính các đơn vị dự toán khối tỉnh, giai đoạn 2018-2020.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện	Thực hiện từ năm 2018-2020

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2	Nâng cao chất lượng thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ	Thực hiện trong năm
3	Đổi mới và nâng cao chất lượng thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, chất lượng dịch vụ công	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ	Thực hiện trong năm
4	Thực hiện cân đối ngân sách địa phương hợp lý, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh về giao ngân sách nhà nước	Thực hiện trong năm
5	Triển khai Phương án thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định của cấp thẩm quyền	Thực hiện trong năm
6	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế”	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Quyết định của cấp thẩm quyền	Quý II năm 2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
7	Triển khai cơ chế tính toán đầy đủ chi phí trong giá thu viện phí, học phí theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, làm cơ sở cho các đơn vị sự nghiệp công lập y tế, giáo dục và đào tạo tiến tới tự chủ hoàn toàn	Sở Tài chính	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định của cấp thẩm quyền	Trong năm 2018 ít nhất một lĩnh vực có 01 đơn vị thực hiện cơ chế này
VII	HIỆN ĐẠI NỀN HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng chính quyền điện tử; nâng cấp, bổ sung hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh; hoàn thiện việc xây dựng các ứng dụng dùng chung; đẩy mạnh triển khai thực hiện một cửa liên thông; nâng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm hành chính công, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Các phần mềm đã triển khai tại các cơ quan, đơn vị	Thực hiện trong năm
2	Quy định về ban hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2018
3	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Cung cấp thông tin về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, dự án đầu tư có sử dụng đất, các loại bản đồ quy hoạch khác có liên quan ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt”	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố	Quyết định phê duyệt Đề án của cấp thẩm quyền	Quý III/2018

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước năm 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quyết định của UBND tỉnh ban hành kèm theo Kế hoạch ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh năm 2019	Quý IV/2018
5	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức hội nghị trực tuyến, đối thoại với tổ chức, cá nhân và Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật phục vụ hội nghị	Thường xuyên
6	Nâng cao việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các thủ tục hành chính được cung cấp trên hệ thống thông tin điện tử	Thường xuyên
7	Trực tuyến ở mức độ 4 đối với toàn bộ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện ở cả ba cấp hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông	Các thủ tục hành chính đủ điều kiện	Quý IV năm 2018
8	Khai thác, vận hành Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; cập nhật, truyền tải thông tin và cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến	Cổng thông tin điện tử; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Báo cáo đánh giá, khai thác vận hành cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Thường xuyên
9	Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tại Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở thuộc đối tượng thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	Thực hiện trong năm

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
10	Tăng cường ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
11	Nâng cao chất lượng áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (thay thế TCVN ISO 9001:2008) trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Báo cáo tình hình, kết quả triển khai, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn toàn tỉnh	Thường xuyên
12	Mở rộng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các huyện, thành phố	Báo cáo tình hình, kết quả triển khai, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn toàn tỉnh	Thường xuyên